

MỤC LỤC

A. GIỚI THIỆU CHUNG	3
1. Vị trí địa lý.....	3
2. Địa hình	3
3. Đặc điểm thời tiết khí hậu	3
4. Xu hướng thiên tai, khí hậu	4
5. Hiện trạng Dân số.....	4
6. Hiện trạng sử dụng đất đai.....	4
7. Đặc điểm và cơ cấu kinh tế	5
B. ĐÁNH GIÁ NGUY CƠ VÀ ĐIỀU KIỆN DỄ TỒN THƯƠNG VỚI THIÊN TAI/BĐKH	5
1. Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH.....	5
2. Tóm tắt kết quả bản đồ vùng nguy cơ thiên tai/BĐKH dựa trên bản đồ sơ họa	6
3. Lịch sử thiên tai/BĐKH.....	7
4. Nhóm dễ bị tổn thương.....	8
5. Đánh giá hạ tầng và dịch vụ công cộng.....	8
6. Đánh giá hiện trạng nhà ở.....	9
7. Số lượng nhà trong vùng có nguy cơ thiên tai và BĐKH	9
8. Điều kiện Nước sạch, vệ sinh và môi trường	10
9. Y tế - Nguy cơ dịch bệnh liên quan đến thiên tai, BĐKH	10
10. Y tế dự phòng- khả năng phòng ngừa dịch bệnh trong điều kiện thiên tai, BĐKH.....	11
11. Hiện trạng rừng và mức độ rủi ro với thiên tai và BĐKH	11
12. Hiện trạng sinh kế xung quanh rừng	11
13. Nguy cơ thiệt hại khi có thiên tai và BĐKH trong Hoạt động sản xuất kinh doanh.....	12
14. Hiện trạng hệ thống thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	13
15. Hiện trạng công tác phòng chống thiên tai.....	13
C. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI/BĐKH THEO LĨNH VỰC/NGÀNH	14
1. Kết quả đánh giá Hạ tầng công cộng (Điện, Đường, Trường, Trạm, Công trình Thủy lợi).....	14
2. Kết quả đánh giá về nhà ở	14
3. Kết quả đánh giá về Nước sạch, vệ sinh và môi trường.....	15
4. Kết quả đánh giá về y tế	15
5. Kết quả đánh giá về giáo dục	15

6. Kết quả đánh giá về rừng.....	Error! Bookmark not defined.
7. Kết quả đánh giá về trồng trọt	16
8. Kết quả đánh giá về chăn nuôi	16
9. Kết quả đánh giá ngành thủy sản.....	17
10. Kết quả đánh giá lĩnh vực du lịch	Error! Bookmark not defined.
11. Kết quả đánh giá các ngành buôn bán nhỏ và ngành nghề dịch vụ khác....	17
12. Kết quả đánh giá lĩnh vực thông tin truyền thông và cảnh báo sớm.....	18
13. Kết quả đánh giá lĩnh vực Phòng chống thiên tai/thích ứng BĐKH.....	18
14. Kết quả đánh giá một số lĩnh vực/ngành then chốt khác của địa phương ..	19
D. TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ LIÊN NGÀNH& GIẢI PHÁP	19
1. Tổng hợp Kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BĐKH	19
2. Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai,.thích ứng với biến đổi khí hậu	21
E. PHỤ LỤC BÁO CÁO	23

Vinh Giang, ngày 31 tháng 5 năm 2018

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

Xã Vinh Giang, Huyện Phú Lộc, Tỉnh TT Huế

Báo cáo này là kết quả tiến trình đánh giá rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu do cộng đồng thực hiện, chú trọng đến nhóm dễ bị tổn thương là trẻ em, phụ nữ, người cao tuổi, người khuyết tật và người nghèo trong khu vực rủi ro cao, ở các lĩnh vực đời sống và xã hội. Các phân tích rủi ro trong báo cáo và các ưu tiên khuyến nghị của nhóm dễ bị tổn thương là những cơ sở quan trọng cho việc xây dựng kế hoạch địa phương như kế hoạch phòng chống thiên tai, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và là đầu vào cho dự án GCF.

A. GIỚI THIỆU CHUNG

1. Vị trí địa lý

- Xã Vinh Giang thuộc huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, dân số toàn xã: 5.036 khẩu, diện tích đất tự nhiên 1872,49ha, được chia 04 thôn, dân cư trong xã phân bố không đồng đều, đời sống người dân chủ yếu dựa vào nông nghiệp, tỷ lệ gia đình đạt chuẩn văn hoá đạt 95%. Có đường quốc lộ 49B đi qua trung tâm xã, giao thông đi lại thuận lợi cả đường bộ và đường thủy.

- Phía Đông giáp xã Vinh Hải;
- Phía Tây giáp xã Vinh Hưng;
- Phía Nam giáp đầm Cầu Hai;
- Phía Bắc giáp xã Vinh Mỹ.

Cách Trung tâm huyện Phú Lộc 20 km

2. Địa hình

- Vinh Giang là xã có địa hình tương đối thấp, nằm trong vùng đồng bằng ven biển miền Trung, trải dọc theo đầm phá Cầu Hai, nhìn chung thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản. Tuy nhiên vào mùa mưa bão, một số vùng thấp trũng thường xuyên bị ngập úng ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và sinh hoạt của người dân.

3. Đặc điểm thời tiết khí hậu

TT	Chỉ số về thời tiết khí hậu	ĐVT	Giá trị	Tháng xảy ra	Dự báo BĐKH của TT Huế năm 2050 theo kịch bản RCP 8,5 (*)
1	Nhiệt độ trung bình	ĐộC	29	1-12	Tăng 1,9°C
2	Nhiệt độ cao nhất	ĐộC	38-39	5-8	Tăng thêm khoảng 1,6-2,4°C
3	Nhiệt độ thấp nhất	ĐộC	10-12	12-2	Tăng thêm/Giảm khoảng 1,6-1,8°C
4	Lượng mưa Trung bình	mm	580 - 790	8-11	Tăng thêm khoảng 25.1 mm

(*) Dữ liệu được nhập vào theo Gói thông tin rủi ro thiên tai và khí hậu cơ bản của từng Tỉnh do Tổng cục PCTT/UNDP tổng hợp trước đánh giá và gửi cho các Nhóm kỹ thuật

4. Xu hướng thiên tai, khí hậu

TT	Nguy cơ thiên tai, khí hậu phổ biến tại địa phương	Giảm	Giữ nguyên	Tăng lên	Dự báo BĐKH của TT Huế năm 2050 theo kịch bản RCP 8.5 (*)
1	Xu hướng hạn hán			X	B.
2	Xu hướng bão			X	C.
3	Xu hướng lũ			X	D.
4	Số ngày rét đậm		X	E.	F.
5	Mức nước biển tại các trạm hải văn			X	Tăng 25cm
6	Nguy cơ ngập lụt/nước dâng do bão			X	0,86% diện tích - 514.080ha
7	Một số nguy cơ thiên tai khí hậu khác xảy ra tại địa phương (giông, lốc, sạt lún đất, động đất, sóng thần)		X		

(*) Dữ liệu được nhập vào theo Gói thông tin rủi ro thiên tai và khí hậu cơ bản của từng Tỉnh do Tổng cục PCTT/UNDP tổng hợp trước đánh giá và gửi cho các Nhóm kỹ thuật

5. Hiện trạng Dân số

TT	Thôn	Số hộ			Số khẩu		
		Tổng	Nghèo	Cận nghèo	Tổng	Nam	Nữ
1	Nghi Giang	597	73	43	2294	1140	1154
2	Nghi Xuân	225	18	16	988	489	499
3	Đôn Chế	123	15	7	403	201	202
4	Nam Trường	325	44	31	1351	673	678
Tổng		1270	150	97	5036	2503	2533

6. Hiện trạng sử dụng đất đai¹

TT	Loại đất (ha)	Số lượng (ha)
I	Tổng diện tích đất tự nhiên	1872,49ha
1	Nhóm đất Nông nghiệp	
1.1	Diện tích Đất sản xuất Nông nghiệp	668,57
1.1.1	Đất lúa nước	34,36

¹Phân loại theo luật đất đai 2013

1.1.2	Đất trồng cây hàng năm (ngô, khoai, mì, mía)	142,49
1.1.3	Đất trồng cây hàng năm khác	294
1.1.4	Đất trồng cây lâu năm	57,06
1.2	Diện tích Đất lâm nghiệp	
1.2.1	Đất rừng sản xuất	15,54
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	
1.3	Diện tích Đất nuôi trồng thủy/hải sản	212
1.3.1	Diện tích thủy sản nước ngọt	
1.3.2	Diện tích thủy sản nước mặn/lợ	212
1.4	Đất làm muối	
1.5	Diện tích Đất nông nghiệp khác (Xây nhà kính phục vụ trồng trọt; xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm; đất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản cho mục đích học tập, nghiên cứu thí nghiệm; đất ươm tạo cây giống, con giống và đất trồng hoa, cây cảnh)	
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	1187,87 ha
3	Diện tích Đất chưa sử dụng	16,05 ha

7. Đặc điểm và cơ cấu kinh tế

TT	Loại hình sản xuất	Tỷ trọng kinh tế ngành/tổng GDP địa phương (%)	Số hộ tham gia hoạt động Sản xuất kinh doanh (hộ)	Năng suất lao động bình quân/hộ
1	Trồng trọt	56,5%		0,5(ha)
2	Chăn nuôi			0,1(ha)
3	Nuôi trồng thủy sản			1(ha)
4	Đánh bắt hải sản			1(tấn)
5	Sản xuất tiểu thủ công nghiệp)	43,5%		(70 triệuVND/năm)
6	Buôn bán			(100triệu VND/năm)
7	Du lịch		0	(triệu VND/năm)
8	Ngành nghề khác- Vd. Đi làm ăn xa, thợ nề, dịch vụ vận tải.v.v			(72triệu VND/năm)

G. ĐÁNH GIÁ NGUY CƠ VÀ ĐIỀU KIỆN DỄ TỒN THƯƠNG VỚI THIÊN TAI/BĐKH

1. Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH



2. Tóm tắt kết quả bản đồ vùng nguy cơ thiên tai/BĐKH dựa trên bản đồ sơ họa

STT	Loại Thiên tai ² /BĐKH ³ phổ biến (Bão, Lũ, Hạn, Nước Biển dâng, v.v.)	Thôn có nguy cơ xảy ra thiên tai	Mức độ/Cấp độ thiên tai cao nhất đã xảy ra (Cao, Thấp, Trung bình)	Xu hướng thiên tai (tăng lên, giữ nguyên, giảm đi)
1	Bão	Thôn Đơn Ché	Cao	Tăng
		Thôn Nghi Giang	Cao	Tăng
		Thôn Nam Trường	Cao	Tăng
		Thôn Nghi Xuân	Cao	Tăng
2	Lụt	Thôn Đơn Ché	Thấp	Giảm

²Các loại hình thiên tai theo Luật PCTT: bão, áp thấp nhiệt đới, lốc, sét, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, nước dâng, xâm nhập mặn, nắng nóng, hạn hán, rét hại, mưa đá, sương muối, động đất, sóng thần và các loại thiên tai khác

³Biểu hiện biến đổi khí hậu bao gồm nhiệt độ trung bình tăng lên, nước biển dâng, lượng mưa và thiên tai thay đổi về tần suất, mức độ trầm trọng và thời gian xảy ra trong thời gian dài

		<i>Thôn Nghi Giang</i>	<i>Thấp</i>	<i>Giảm</i>
		<i>Thôn Nam Trường</i>	<i>Trung bình</i>	<i>Giảm</i>
		<i>Thôn Nghi Xuân</i>	<i>Trung bình</i>	<i>Giảm</i>
3	<i>Hạn</i>	<i>Thôn Đơn Chế</i>	<i>Trung bình</i>	<i>Giữ nguyên</i>
		<i>Thôn Nghi Giang</i>	<i>Trung bình</i>	<i>Giữ nguyên</i>
		<i>Thôn Nam Trường</i>	<i>Trung bình</i>	<i>Giữ nguyên</i>
		<i>Thôn Nghi Xuân</i>	<i>Trung bình</i>	<i>Giữ nguyên</i>
4	<i>Rét</i>	<i>Thôn Đơn Chế</i>	<i>Trung bình</i>	<i>Giữ nguyên</i>
		<i>Thôn Nghi Giang</i>	<i>Trung bình</i>	<i>Giữ nguyên</i>
		<i>Thôn Nam Trường</i>	<i>Trung bình</i>	<i>Giữ nguyên</i>
		<i>Thôn Nghi Xuân</i>	<i>Trung bình</i>	<i>Giữ nguyên</i>
5	<i>Nhiễm mặn</i>	<i>Thôn Đơn Chế</i>	<i>Trung bình</i>	<i>Giữ nguyên</i>
		<i>Thôn Nghi Giang</i>	<i>Trung bình</i>	<i>Giữ nguyên</i>
		<i>Thôn Nam Trường</i>	<i>Trung bình</i>	<i>Giữ nguyên</i>
		<i>Thôn Nghi Xuân</i>	<i>Trung bình</i>	<i>Giữ nguyên</i>

3. Lịch sử thiên tai/BĐKH

Tháng/năm xảy ra	Loại thiên tai/BĐKH	Số thôn bị ảnh hưởng	Thiệt hại chính	Số lượng
2017	Bão Lụt Hạn	Số thôn: 4 thôn Đon Ché Nghi Giang Nam Trường Nghi Xuân	1. Số người chết/mất tích: Không	Nam/nữ
			2. Số người bị thương:	Nam/nữ
			3. Số nhà bị thiệt hại:	75 hộ
			4. Số trường học bị thiệt hại:	Không
			5. Số trạm y tế bị thiệt hại:	Không
			6. Số km đường bị thiệt hại:	1,5 km
			7. Số ha rừng bị thiệt hại:	Không
			8. Số ha ruộng bị thiệt hại:	10ha
			9. Số ha hoa màu:	40 ha
			10. Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại:	
			11. Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại:	150ha
			12. Đê đập vỡ:	1km
			13. Ước tính thiệt hại kinh tế:	1,5 tỷ

4. Nhóm dễ bị tổn thương

TT	Thôn	Đối tượng dễ bị tổn thương					
		Trẻ em dưới 16	Phụ nữ có thai*	Người cao tuổi	Người khuyết tật	Người dân tộc thiểu số, vùng sâu vùng xa	Người bị bệnh hiểm nghèo
1	Đon Ché	64	2	52	1	1	8
2	Nghi Giang	405	12	90	50	1	5
3	Nam Trường	199	5	80	60		10
4	Nghi Xuân	330	5	22	15	1	2
Tổng		998	25	244	126	3	25

(*) Phụ nữ có thai và đang nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi

5. Đánh giá hạ tầng và dịch vụ công cộng

TT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Chất lượng chống chịu với thiên tai khí hậu (Cao, Trung Bình, Thấp)	Năm xây dựng	Nguy cơ xảy ra thiệt hại khi có thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
1	Trường mầm non	Phòng	07	Cao	2006	Thấp

2	Trường học tiểu học	Phòng	23	Cao	2003	Thấp
3	Trường THCS	Phòng	14	Cao	2006	Thấp
4	Trạm y tế/ Phòng khám	Phòng	6	Cao	1995	Thấp
5	Đường điện	Km	17	Trung bình	2000	Trung Bình
6	Đường giao thông	Km	90	Trung Bình	2000	Trung Bình
7	Trụ sở UBND	Phòng	20	Cao	2004	Thấp
8	Nhà văn hóa xã/thôn	Nhà	4	Trung Bình		Trung Bình
9	Chợ	Cái	1	Cao	2010	Thấp

6. Đánh giá hiện trạng nhà ở

TT	Tên thôn	Số hộ	Nhà kiên cố (cả 3 phần: mái, cột, tường làm bằng VLBC)	Nhà bán kiên cố (2 trong 3 phần làm bằng VLBC)	Nhà thiếu kiên cố (1 trong 3 phần làm bằng VLBC)	Nhà đơn sơ/tạm bợ (không có phần nào làm bằng VLBC)	Nhà ở các khu vực cần di dời (sạt lở, lũ quét, v.v)
1	Đơn Chế	123	60	43	2	0	2
2	Nghi Giang	597	455	96	0	1	0
3	Nam Trường	325	20	290	10	0	0
4	Nghi Xuân	225	110	68	0	0	0
Tổng		1270	645	497	12	1	2

(VLBC: Vật liệu bền chắc

- VLBC phần mái: bê-tông cốt thép, ngói đất nung/xi măng.
- VLBC phần cột: bê-tông cốt thép, gạch/đá, sắt thép/gỗ bền chắc.
- VLBC phần tường: bê-tông cốt thép, gạch/đá, gỗ, kim loại.)

7. Số lượng nhà trong vùng có nguy cơ thiên tai và BDKH⁴

TT	Loại nhà	Số nhà thuộc vùng rủi ro cao với thiên tai, BDKH (*)	Số nhà thuộc vùng rủi ro trung bình với thiên tai, BDKH (*)
1	Nhà đơn sơ/tạm bợ	0	1

⁴Phục vụ dự án GCF

2	Nhà bán kiên cố	680	402
3	Nhà thiếu kiên cố	201	95
4	Nhà kiên cố	80	645
	Tổng số	963	1143

(*) Tham khảo theo kết quả bản đồ nguy cơ rủi ro thiên tai, khí hậu

8. Điều kiện Nước sạch, vệ sinh và môi trường

Tên thôn	Số hộ	Nguồn nước sạch				Nhà vệ sinh				
		Giếng	Bể chứa	Trạm cấp nước công cộng/nước máy/Tự chảy	Không có dụng cụ chứa	Nguy cơ thiệt hại khi có thiên tai/BĐKH (Cao, Trung bình, Thấp)	Tự hoại	Tạm	Không có	Nguy cơ xảy ra thiệt hại khi có thiên tai/BĐKH (Cao, Trung bình, Thấp)
Đon Chế	123	105	105	0	0	Trung bình	105		8	Trung bình
Nghi Gian	597	590	590	0	0	Trung bình	550		30	Trung bình
Nam Trờ	325	320	320	0	0	Trung bình	320	10	20	Trung bình
Nghe Xuân	225	178	150	0	0	Trung bình	210		10	Trung bình
Tổng	1270	1193	1165	0	0		1185	10	58	

9. Y tế - Nguy cơ dịch bệnh liên quan đến thiên tai, BĐKH

TT	Loại dịch bệnh phổ biến	Trẻ em	Phụ nữ	Nam giới	Trong đó Người cao tuổi	Trong đó Người khuyết tật

1	Sốt rét	0	0	0	0	0
2	Sốt rét huyết	0	0	0	0	0
3	Viêm đường hô hấp	0	0	0	0	0
4	Tay chân miệng	0	0	0	0	0

10.Y tế dự phòng- khả năng phòng ngừa dịch bệnh trong điều kiện thiên tai, BĐKH

TT	Tên Thôn	Khả năng và kiến thức phòng ngừa dịch bệnh	Mức độ xảy ra dịch bệnh (Cao, Trung Bình, Thấp)
1	Đơn Chế	Trung bình	Thấp
2	Nghi Giang	Trung bình	Thấp
3	Nam Trường	Trung bình	Thấp
4	Nghi Xuân	Trung bình	Thấp

11.Hiện trạng rừng và mức độ rủi ro với thiên tai và BĐKH⁵

Loại rừng	Tổng diện tích (ha)	Diện tích rừng thuộc vùng rủi ro cao với thiên tai, BĐKH (*)	Diện tích rừng thuộc vùng rủi ro trung bình với thiên tai, BĐKH (*)
1	2	3	4
<i>Rừng ngập mặn</i>			
<i>Rừng trên cát</i>			
<i>Rừng tự nhiên</i>			15,4ha
<i>Rừng khác</i>			
<i>Diện tích quy hoạch trồng rừng ngập mặn nhưng chưa trồng</i>			
<i>Diện tích quy hoạch trồng rừng trên cát nhưng chưa trồng</i>			
Tổng			

(*) Là vùng khi có thiên tai (lũ, bão, hạn, cháy rừng do khô hạn, v.v.) rừng dễ bị thiệt hại, gãy đổ. Tham khảo theo kết quả bản đồ nguy cơ thiên tai, khí hậu

12.Hiện trạng sinh kế xung quanh rừng⁶

Loại rừng	Liệt kê tên các loại cây được trồng bản địa	Liệt kê 3 mô hình sinh kế trong rừng ngập	Số hộ đã hoặc có thể tham gia vào mỗi loại mô hình

⁵Phục vụ cụ thể cho dự án GCF

⁶ Phục vụ cho dự án GCF

(1)	hoặc loại cây do cộng đồng đề xuất mới (nếu cần thiết)	mặt do cộng đồng đề xuất triển khai tại xã (ưu tiên các mô hình đã thí điểm thành công)	sinh kế
	(2)	(3)	(4)
Rừng ngập mặn Rừng trên cát			
Rừng tự nhiên			
Rừng khác			15,4ha
Diện tích quy hoạch trồng rừng ngập mặn nhưng chưa trồng Diện tích quy hoạch trồng rừng trên cát nhưng chưa trồng			
Tổng			

13. Nguy cơ thiệt hại khi có thiên tai và BĐKH trong Hoạt động sản xuất kinh doanh

TT	Loại hình sản xuất	Số hộ tham gia SXKD tại xã	Ước tính năng xuất/Khối lượng SX hàng năm theo bình quân hộ	Khả năng chống chịu với thiên tai & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Mức độ thiệt hại khi có tác động của thiên tai và khí hậu (Cao, Trung Bình, Thấp)
1	Trồng trọt (ha)	294		Trung bình	Cao
2	Chăn nuôi (hộ)	400		Trung bình	Cao
3	Nuôi trồng thủy sản (ha)	212		Trung bình	Cao
4	Đánh bắt hải sản (tấn)	60		Trung bình	Cao
5	Sản xuất tiểu thủ công nghiệp (thu nhập bình quân)	85		Trung bình	Trung bình
6	Buôn bán (thu nhập bình quân)	83		Trung bình	Trung bình
7	Du lịch				
8	Ngành nghề khác- Vd. Đi làm ăn xa,	69		Trung bình	Trung bình

	thợ nề, dịch vụ vận tải.v.v (thu nhập bình quân)				
--	--	--	--	--	--

14. Hiện trạng hệ thống thông tin truyền thông và cảnh báo sớm

TT	Loại hình	ĐVT	Số lượng
1	Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh	%	1.155
2	Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh	%	1270
3	Số loa phát thanh (không dây, mạng lưới)	Loa	20
4	Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh báo sớm/khẩn cấp khác (còi ủa, công, chiêng, v.v.) tại thôn	%	60
5	Số trạm khí tượng, thủy văn		0
6	Số thôn được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu)	4/4	4

15. Hiện trạng công tác phòng chống thiên tai/thích ứng BĐKH

TT	Loại hình	ĐVT	Số lượng
1	Số lượng thôn có kế hoạch/phương án Phòng chống thiên tai và/hoặc kế hoạch thích ứng BĐKH hàng năm	Thôn	4
2	Số lượng trường học có kế hoạch PCTT hàng năm	Trường	3
3	Số lần diễn tập PCTT trong 10 năm qua	Lần	0
4	Số thành viên Ban chỉ huy PCTT và TKCN của xã	Người	30
	- Trong đó số lượng nữ	Người	
	- Số lượng đã qua đào tạo QLRRTT-DVCD hoặc đào tạo tương tự về PCTT	Người	
5	Số lượng lực lượng thanh niên xung kích, chữ thập đỏ, cứu hộ-cứu nạn tại xã	Người	53
	- Trong đó số lượng nữ:	Người	
6	Số lượng Tuyên truyền viên PCTT/TUỖĐKH dựa vào cộng đồng	Người	
	- Trong đó số lượng nữ:	Người	

7	Số lượng Phương tiện PCTT tại xã:		
	- Ghe, thuyền:	Chiếc	3
	- Áo phao	Chiếc	30
	- Loa	Chiếc	20
	- Đèn pin	Chiếc	30
	- Máy phát điện dự phòng	Chiếc	1
	- Lều bạt	Chiếc	30
	- Xe vận tải	Chiếc	3
8	Số lượng vật tư thiết bị dự phòng		
	- Số lượng gói/đơn vị hóa chất khử trùng tại chỗ	Đơn vị	có
9	Số lượng thuốc y tế dự phòng tại chỗ	Đơn vị	có
10	Khác....		

H. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI/BĐKH THEO LĨNH VỰC/NGÀNH

1. Kết quả đánh giá Hạ tầng công cộng (Điện, Đường, Trường, Trạm, Công trình Thủy lợi)

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại	TTDBTT (Số công trình có nguy cơ bị ảnh hưởng do thiên tai/BĐKH) I.	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TỪBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (cao, trung bình, thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão	4/1270	Tăng	30%	Trung bình	Trung bình
Lụt	4/1270	Giảm	10%	Trung bình	Trung bình
Hạn	4/1270	Giữ nguyên	5%	Trung bình	Trung bình
Rét	4/1270	Giữ nguyên	5%	Trung bình	Trung bình
Ngập mặn	4/1270	Giữ nguyên	5%	Trung bình	Trung bình

2. Kết quả đánh giá về nhà ở

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại (tăng, giữ nguyên,	TTDBTT/ Nguy cơ bị thiệt hại khi có	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để	Rủi ro thiên tai/BĐKH (cao, trung bình, thấp)
--------------------------	------------	---------------------------------------	-------------------------------------	--	---

		giảm)	thiên tai/BĐKH (số hộ có nguy cơ bị ảnh hưởng)	PCTT & TUBĐKH	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão	4/1270	Tăng	889 hộ	Trung bình	Trung bình
Lụt	4/1270	Giảm	254 hộ	Trung bình	Trung bình

3. Kết quả đánh giá về Nước sạch, vệ sinh và môi trường

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại	TTDBTT/ Nguy cơ bị ảnh hưởng (số hộ)	Kỹ năng, kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH	Rủi ro thiên tai/BĐKH
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão	4/1270	Tăng	100	Trung bình	Cao
Lụt	4/1270	Giảm	60	Trung bình	Trung bình
Hạn	4/1270	Giữ nguyên	320	Trung bình	Trung bình
Nhiễm mặn	4/1270	Giữ nguyên	70	Trung bình	Trung bình

4. Kết quả đánh giá về y tế

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại	TTDBTT (số hộ bị ảnh hưởng)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH	Rủi ro thiên tai/BĐKH
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão	4/1207	Tăng	100	Trung bình	Trung bình
Lụt	4/1207	Giảm	60	Trung bình	Trung bình

5. Kết quả đánh giá về giáo dục

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại	TTDBTT	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH	Rủi ro thiên tai/BĐKH
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão	4/1270	Tăng	100% học	Trung bình	Trung bình

			sinh nghỉ học		
Lụt	4/1270	Giảm	30% học sinh nghỉ học	Trung bình	Trung bình

6. Kết quả đánh giá về trồng trọt

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Thôn Số hộ	Xu hướng thiệt hại	TTDBTT (ha)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH	Rủi ro thiên tai/BĐKH
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão	4/1270	Tăng	30 ha Do bão gió lớn, mưa lớn gây ngập úng	Trung bình	Trung bình
Lụt	4/1270	Giảm	20 ha Mưa lớn kéo dài nước lên nhanh gây ngập úng	Trung bình	Trung bình

7. Kết quả đánh giá về chăn nuôi

Lot quả đánh giá về chăn	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại	TTDBT T	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH	Rủi ro thiên tai/BĐKH
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão	4/1270	Tăng	1200 con Gồm ,	Trung bình	Trung bình

			bò, heo Hơn 1100 con gia cầm		
Lợn	4/1270	Giảm	500 con Gồm heo và gia cầm	Trung bình	Trung bình
Hạn	4/1270	Giữ nguyên	500 con Gồm , trâu, heo Hơn 400 con gia cầm	Trung bình	Trung bình

8.Kết quả đánh giá ngành thủy sản

Lot quả đánh giá ngành th	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại	TTDBTT	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBDKH	Rủi ro thiên tai/BĐKH
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão	4/1270	Tăng	212ha	Trung bình	Trung bình
Lợn	4/1270	Giảm	160ha	Trung bình	Trung bình
Hạn	4/1270	Giữ nguyên	150 ha	Trung bình	Trung bình

9.Kết quả đánh giá các ngành buôn bán nhỏ và ngành nghề dịch vụ khác

Lot quả đánh giá các ngành	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại	TTDBTT <i>Các hộ</i>	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBDKH	Rủi ro thiên tai/BĐKH
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão	4/1270	Tăng	55	Trung bình	Cao
Lợn	4/1270	Giảm	12	Trung bình	Trung bình
Hạn	4/1270	Tăng	20	Trung bình	Trung bình
Rét	4/1270	Giữ	20	Trung bình	Trung bình

		nguyên			
Nhiễm mặn	4/1270	Giữ nguyên	5	Trung bình	Trung bình

10. Kết quả đánh giá lĩnh vực thông tin truyền thông và cảnh báo sớm

Lot quả đánh giá lĩnh vực J.	Thôn/SLũ,	Xu hướng SLũ, Bão, S lĩ	TTDBTT (SDBTT Gi Bão, S lĩnh vH thông tin truyền thông và c thông và càn báo chưa phù hùag K.	KhùagT Gicông nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH	Rủi ro thiên tai/BĐKH
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão	4/1270	Tăng	30 - 40%	Trung bình	Cao
Lụt	4/1270	Giảm	30 - 40%	Trung bình	Trung bình
Hạn Hán	4/1270	Tăng	30 - 40%	Trung bình	Trung bình
Rét	4/1270	Giữ nguyên	30 - 40%	Trung bình	Trung bình
Nhiễm mặn	4/1270	Giữ nguyên	30 - 40%	Trung bình	Trung bình

11. Kết quả đánh giá lĩnh vực Phòng chống thiên tai/TUBĐKH

LoUBĐKH đánh giá lĩnh vực	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại	TTDBTT	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để phòng chống thiên tai và thích ứng với BĐKH	Rủi ro thiên tai/BĐKH
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão	4/1270	Tăng	50 người	Trung bình	Cao
Lụt	4/1270	Giảm	50 người	Trung bình	Trung bình
Hạn Hán	4/1270	Tăng	50 người	Trung bình	Trung bình
Rét	4/1270	Giữ nguyên	50 người	Trung bình	Trung bình
Nhiễm mặn	4/1270	Giữ	50 người	Trung bình	Trung bình

		nguyên			
--	--	--------	--	--	--

12. Kết quả đánh giá một số lĩnh vực/ngành then chốt khác của địa phương

Lot quả đánh giá tai/BĐKH	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại	TTDBTT	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH	Rủi ro thiên tai/BĐKH
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão	4/1207	Tăng	350 hộ	Trung bình	Cao
Lụt	4/1207	Giảm	350 hộ	Trung bình	Trung bình
Hạn Hán	4/1207	Tăng	200 hộ	Trung bình	Trung bình

L. TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ LIÊN NGÀNH & GIẢI PHÁP

1. Tổng hợp Kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BĐKH

ThĐ KHh ợp Kết quả phân tích	RhĐKHhợp Kết quả phân	TTDBTD	Nguyên nhân	Giuyên nh
1	Nhà bị ngập tốc mái	30% số nhà không an toàn, ở những vùng trũng thấp	<ul style="list-style-type: none"> - Ý thức chằng, chống nhà cửa chưa cao - Nhà bán kiên cố - Người dân còn chủ quan 	<ul style="list-style-type: none"> - Mở lớp tập huấn về chằng, chống nhà cửa: 05 lớp - Đề nghị hỗ trợ các đối tượng chính sách, BTXH, hộ nghèo, cận nghèo, hộ khó khăn - Truyền thông, cảnh báo trước mùa thiên tai - Vận động người dân xây nhà nơi cao ráo, kiên cố
2	Người chết, người bị thương	20% số hộ ở vùng thấp trũng	<ul style="list-style-type: none"> - Do người dân chủ quan - Người dân ở vùng thấp trũng. - Người dân ở vùng ven đầm phá. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tuyên truyền người dân không nên ra khơi đánh bắt, không ra khỏi nhà khi có gió bão - Tìm nơi trú ẩn an toàn, di dời người dân từ vùng trũng thấp lên vùng cao an toàn

			- Khoảng 150 hộ.	- Dự trữ thuốc men, sơ cứu tại chỗ - Bố trí 02 điểm cứu thương tại hai thôn
3	Giao thông thủy lợi bị chia cắt do sạt lở	1,5 km đường giao thông, thủy lợi bị sạt lở	Do nằm ở vùng thấp trũng, dòng chảy gây sạt lở	Nâng cấp các tuyến đường, hệ thống đê đập
4	Hệ thống điện, truyền thanh của xã bị hỏng	70% trụ tạm, 30% - 40% không nghe được thông tin	- Do cây gãy, đứt dây điện - Trụ điện chưa kiên cố, đường dây còn nhỏ lẻ - Hệ thống loa còn ít	- Phát quan chặt cây cối, nâng cấp hệ thống truyền thanh xã trước mùa mưa bão - Kiên cố các trụ điện: 200 trụ - Hỗ trợ thêm 2 trạm loa và 15 loa cầm tay cho các thôn
5	Ô nhiễm môi trường	Ý thức của người dân còn thiếu hiểu biết; -Rác thải, xác động vật từ nơi khác trôi về.	- Chăn nuôi nhỏ lẻ, chuồng trại gia súc, gia cầm không đảm bảo. Hệ thống kênh rãnh ko được khơi thông	-Mở lớp tập huấn nhằm nâng cao nhận thức của người dân; -Xử lý và chôn lấp xác động vật; Hỗ trợ kinh phí khử trùng bảo vệ môi trường phòng chống dịch bệnh; - Có giải pháp hạn chế sử dụng túi nilông
6	Hoa màu bị thiệt hại	Diện tích gieo trồng ở vùng thấp trũng.	Mưa lớn, Ngập úng, bị nước cuốn	-Gieo trồng đúng thời vụ. - Có phương án bảo vệ khi thiên tai đến.
7	Mất diện tích nuôi trồng thủy sản	-Do người dân sản xuất trái vụ	- Khuyến cáo bà con không nên nuôi tái vụ và thu hoạch sớm trước mùa mưa bão - Nâng đập, chắn lưới bảo đảm tôm, cá còn lại trong ao hồ	- Đê đập, lưới chắn chưa đảm bảo yêu cầu - Người dân chủ quan chưa thu hoạch để đợi giá cao
8	Hệ thống kênh mương bị hỏng	Hệ thống đê đập chủ yếu là kênh đất	Mưa lớn nước tràn gây vỡ đê	Kiên cố hóa hệ thống kênh mương

2. Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BĐKH

Nhóm ngành/lĩnh vực (*)	Các giải pháp đề xuất (**) (theo số thứ tự ưu tiên của cộng đồng)	Địa điểm và đối tượng hưởng lợi	Hoạt động cụ thể để thực hiện giải pháp	Thời gian dự kiến		Nguồn ngân sách dự kiến
Hệ thống Điện yếu	-Nâng cấp hệ thống đường dây, xây dựng mới 200 trụ thay thế trụ cũ	-Người dân trên toàn xã	<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất hỗ trợ từ các cấp, ngành trong việc xây dựng nâng cấp bằng các nguồn vốn theo chương trình kế hoạch PTKT xã hội địa phương - Vận động người dân hỗ trợ, tự khắc phục các điểm trụ điện nổi dân sinh. - Đề nghị hỗ trợ các đối tượng chính sách, BTXH, hộ nghèo, cận nghèo, hộ khó khăn - Truyền thông, cảnh báo trước mùa thiên tai - Vận động người dân xây nhà nơi cao ráo, kiên cố 		X	Ngân sách tỉnh
Nhà ở: Xây dựng nhà ở cho người nghèo bao; nhà ở theo chương trình GCF và chương trình 48: Chương trình 48 hiện của xã là 01 hộ	<ul style="list-style-type: none"> - Vận động nhân dân giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà cho người nghèo. - Chính quyền địa phương hỗ trợ kêu gọi các đơn vị thi công có sẵn trên địa bàn vào hỗ trợ 	- Các đối tượng người nghèo, nhà tạm bợ, đơn sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Tuyên truyền người dân không nên ra khơi đánh bắt, không ra khơi nhà khi có gió bão - Tìm nơi trú ẩn an toàn, di dời người dân từ vùng trũng thấp lên vùng cao an toàn trong điều kiện khi có thiên tai khẩn cấp 	X		57 triệu/nhà
Hệ thống thủy lợi xuống cấp	- Đề xuất nâng cấp xây dựng đê ven phá,	Thôn Nghi Xuân	- Báo cáo đề xuất huyện, tỉnh để nâng cấp xây dựng hệ		X	Ngân sách tỉnh,

	các trục thủy đạo kênh tưới, tiêu và cống ngăn mặn - Xây dựng hệ thống trạm bơm, hồ trữ nước tưới cho nông nghiệp		thống đê, kênh mương ngăn mặn, giữ ngọt đảm bảo tưới, hạn chế tình trạng hoang hóa đất.			trung ương và nguồn khác
Người chết, người bị thương	- Truyền truyền công tác chặn chống nhà cửa trước thiên tai	Toàn dân	- Thông tin tuyên truyền; mở các lớp tập huấn - Tổ chức các lớp tuyên truyền theo tài liệu được cấp phát	X		Ngân sách xã,
Nước sạch, vệ sinh và môi trường (chức có)	-100% người dân chưa có nước sạch, vì vậy cần đầu tư nối mạng hệ thống nước sạch cho người dân sử dụng	Người dân	- Xây dựng mới hệ thống mạng lưới cung cấp nước sạch		X	3 tỷ
Hệ thống điện, truyền thanh của xã bị hỏng			- Dự trữ thuốc men, sơ cứu tại chỗ - Bố trí 02 điểm cứu thương tại hai thôn - Phát quan chặt cây cối, nâng cấp hệ thống truyền thanh xã trước mùa mưa bão - Kiên cố các trụ điện: 200 trụ - Hỗ trợ thêm 2 trạm loa và 15 loa cầm tay cho các thôn	Ngắn hạn		2 tỷ
Y Tế	- Đề xuất bổ sung cơ sở thuốc đảm bảo dự trữ phục vụ công tác PCTT tại địa phương	Người dân	- Báo cáo đề xuất cơ sở thuốc cloraminb, Aqua tap để cung cấp cho người dân sử dụng khi có thiên tai xảy ra gây mất nước	X		Ngân sách địa phương, huyện
Ô nhiễm	- Tổ chức các	04 thôn	-Mở lớp tập huấn		X	50 triệu

môi trường	điểm tập kết trung chuyên rác thải đến nơi xử lý - Bố trí thêm các điểm tập kết rác thải		nhằm nâng cao nhận thức của người dân; -Xử lý và chôn lấp xác động vật; Hỗ trợ kinh phí khử trùng bảo vệ môi trường phòng chống dịch bệnh; - Có giải pháp hạn chế sử dụng túi nilông -Tuyên truyền người dân chuyển rác đúng nơi quy định hạn chế ảnh hưởng ô nhiễm MT, phát sinh dịch bệnh			
Sức khỏe VSMT	- Khuyến khích người dân xây dựng nhà vệ sinh tự hoại	120 nhà	- Vận động xây dựng nhà vệ sinh dân sinh, không thải ra môi trường. - Tìm nguồn dự án hỗ trợ cho các đối tượng người dân.		X	600 triệu

(*) Không nhất thiết phải đưa vào báo cáo nếu không phải là vấn đề ưu tiên của cộng đồng

(**) Cho cả khía cạnh vật chất, tổ chức thể chế xã hội và nhận thức kinh nghiệm

M. PHỤ LỤC BÁO CÁO

Phụ lục 1: Danh sách người tham gia đánh giá

TT	Họ tên	Đơn vị	Số điện thoại
1	Mai Xuân Tuấn	PCT UBND xã	01644000040
2	Trần Ngọc Minh Châu	Địa chính	0979421476
3	Trần Minh Nhật	PCT hội LHPN	0912709505
4	Lê Thị HồngThúy	CB Văn phòng	01679839187
5	Trương Văn Trung	CT HĐND	0977051310
6	Trần Thị Thu Thúy	CB Đảng ủy	01674292412
7	Lê Thị Xuân Giang	VP Đảng ủy	01666657801
8	Nguyễn Thị Ý	CT Hội LHPN	0984344009
9	Nguyễn Văn Hùng	CC Văn Hóa	0976306525
10	Trần Văn Phó	Xã đội phó	0979099250

Phụ lục 2: Các bảng biểu, bản đồ lập ra trong quá trình đánh giá theo hướng dẫn

THIÊN TAI	THÁNG												XU HƯỚNG CỦA THIÊN TAI			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12				
BÃO																
Lịch hoạt động KT - XH	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Ảnh hưởng của thiên tai đến hoạt động KT - XH	Tại sao? (Đánh giá tình trạng DBTT)	Kinh nghiệm phòng, chống (Năng lực PCTT)	
Trồng lúa (164 ha, 30% thu nhập) Nam 70%, Nữ 30%													- Giao thông thủy lợi bị hư hỏng - Vỡ đê đập, hư hỏng lưới chắn thiệt hại tôm, cua, cá - Gây thiệt hại khi nuôi trái vụ	-Đập bằng đất cát, chưa kiên cố, nằm ở vùng trũng -Do nuôi tôm ngoài đầm phá đập còn thấp	-Chính quyền có kế hoạch cho cán bộ quản lý chỉ đạo kiên cố đê đập -Hạn chế nuôi tôm trái vụ, có kế hoạch thu hoạch sớm	
Nuôi trồng thủy sản (212 ha, 40% thu nhập) Nam 80%, Nữ 20%																
LỤT																
Lịch hoạt động KT - XH	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12				
Trồng lúa													- Ngập úng gây chết lúa, hoa màu giai đoạn chuẩn bị thu hoạch,	Hệ thống kênh mương, thoát nước chưa kiên cố Ruộng nhỏ,	-Đầu tư xây dựng, củng cố hệ thống thoát nước -Huy động lực lượng thu hoạch lúa	
Dưa hấu (40 ha)																
Hoa màu (12 ha) Nam 60%, Nữ 40%																
Nuôi trồng thủy sản 212 ha																

<p>Dịch vụ xây dựng Nam 80%, Nữ 20%</p>													<p>thiệt hại 60/164 ha lúa, 25 ha dưa hấu do ở vùng thấp -Hư hỏng đập -Gây ngập úng, chết sắn, khoai, rau muống, dư hấu Nước tràn bờ gây thất thoát tôm, cua, cá của người dân Không đi làm được ảnh hưởng đến thu nhập</p>	<p>chủ yếu làm thủ công Do sự chủ quan của người dân</p>	<p>giúp dân khi có lụt Chuyển đổi cây trồng, giống ngắn ngày Đầu tư củng cố nâng cao chất lượng đê, đập</p>
	<i>HẠN HẠN</i>														
Lịch hoạt động KT - XH	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12			

Trồng lúa													Thiếu nước (100 ha), lúa chết (3 ha), ảnh hưởng đến năng suất chủ yếu ở vùng Ruộng nại, Tiền Đình	-Không có hồ chứa nước cấp cho sản xuất nông nghiệp Khe thủy lợi bị bồi lấp Không có nước tưới	-Đào hồ chứa nước công lợi không cho nước chảy ra đầu phá Năng đê, bơm nước đầy ao
Dưa hấu													Thiếu nước chết	-Nắng nóng kéo dài làm độ PH thay đổi ảnh hưởng nuôi trồng thủy sản	-Đề xuất cấp trên nạo vét cửa biển, tái tạo nguồn lợi
Hoa màu															
Nuôi trồng thủy sản															
Đánh bắt thủy sản (180 tấn/năm) Nam 80%, Nữ 20%													Vùng thủy triều thấp (140 ha)	-Cửa biển cạn không có nước lưu thông	
RÉT															
Lịch hoạt động KT - XH	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Ảnh hưởng của thiên tai đến	Tại sao? (Đánh giá tình	Kinh nghiệm phòng, chống (Năng lực

BẢNG CÔNG CỤ 2: LỊCH SỬ THIÊN TAI

Năm Tháng	Thiên tai	Xu hướng thiên tai	Khu vực chịu thiệt hại	Thiệt hại gì?	Tại sao bị thiệt hại	Đã làm gì để PCTT?
11/2017	Bão	Gió cấp 11-12, Gió mạnh khoảng 2 ngày, mưa lớn kéo dài khoảng 5 ngày với lượng mưa khoảng 350 mm	Thôn Nghi Xuân, Đôn Ché, Nghi Giang, Nam Trường.	<ul style="list-style-type: none"> - Đứt dây điện: 5000m - Cây cối bị gãy - Thiệt hại NTTS: 150 ha - Thiệt hại rau màu: 10 ha - Chết 500 con gà, 10 con bò, trâu - Nguồn nước bị ô nhiễm - Rác thải, xác động vật chết - Đê, đập bị vỡ: 1 km Đường bị xạc lở: 1,5 km - Cát bồi lấp ruộng: 10 ha - Hệ thống truyền thanh không hoạt động 	<ul style="list-style-type: none"> - Do sự chủ quan của bà con nhân dân - Do đê, đập chưa được kiên cố 	<ul style="list-style-type: none"> - Chặt các nhánh cây lớn trước mùa mưa bão - Chằng chống nhà cửa - Thu hoạch sớm NTTS và rau màu - Tuyên truyền, vận động nhân dân di chuyển từ vùng thấp, nguy hiểm lên vùng cao, kiên cố: 77 hộ - Chuẩn bị dự trữ lương thực, nước uống - Gia cố chuồng trại - Nạo vét kênh mương thông nước - Cung cấp loa cầm tay để thông báo, tuyên truyền
11/2017	Lụt	Lên nhanh xuống nhanh, mưa lớn kéo dài khoảng 5 ngày với lượng mưa	Toàn thôn Nam Trường, nặng nhất là 3 xóm Lò Toàn thôn Nghi Xuân,	<ul style="list-style-type: none"> -Ngập úng: 75 hộ - Thiệt hại rau màu: 15 ha -Thiệt hại NTTS: 150 ha Thiệt hại công cụ đánh bắt: 50 bộ sáo - Ô nhiễm nguồn nước Bệnh phụ khoa ở 	Hệ thống thoát nước chưa được kiên cố Một số người dân còn chủ quan Do dân cư sinh sống vùng thũng thấp Do hệ thống đường xá xuống cấp, xạc	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe thông tin trên hệ thống truyền thanh của xã - Tuyên truyền, vận động nhân dân di chuyển từ vùng thấp lên vùng cao - Thu hoạch sớm NTTS và rau màu

		khoảng 350 mm	nặng nhất là tổ 1	phụ nữ: 10% - Ô nhiễm môi trường do rác thải, xác động vật chết - Hư hỏng, xạc lỗ đường xá: 1,5 km	lỗ - Do phụ nữ phải lội nước trong quá trình di dời tài sản	- Gia cố hệ thống kênh mương - Khử trùng nguồn nước sau lụt - Huy động nhân dân thu gom rác thải
5/2016	Hạn hán	Theo quy luật; Nắng nóng kéo dài 4 tháng liên tục, nhiệt độ cao từ 39-40 độ C,	Tòa 2 thôn Nam trường và Nghi Xuân	- Khô héo, chết dư hầu, dưa gang, lạc, khoai, sắn: 10 ha - Thiếu nước sinh hoạt - Nhiễm chua, phèn, mặn Thiệt hại NTTS: 150 ha - Dịch bệnh ở vật nuôi; tôm: đốm trắng, đốm râu, vàng mang: 50 % - Trẻ em mắc sốt xuất huyết, bệnh người già: 30% - Thiếu điện thấp sáng do bị cúp điện	- Chưa có hệ thống thủy lợi, kênh mương - Không có hồ chứa nước - Đa số dùng máy bơm từ giếng khoan	- Đề xuất cung cấp nước sạch Xây hồ chứa nước - Tuyên truyền, cảnh báo tình hình thiên tai trên hệ thống truyền thanh xã - Chuyển đổi cây trồng vật nuôi
12/2016 – 02/2017	Rét đậm rét hại	- Kéo dài. - Nhiệt độ giảm 14 °C - Kèm theo mưa phùn.	4 thôn / toàn xã	- Hoa màu - NTTS - Gia súc gia cầm - Vụ đông xuân - Ảnh hưởng người già, trẻ em.	- nhiệt độ thấp, kèm theo mưa. - Chuồng trại không đảm bảo. - Nhiệt độ thấp làm tôm cá bệnh. - Hoa màu, lúa không phát triển được. - Nhân dân ít được quan tâm đến sức đề kháng, sức khỏe.	- Chuẩn bị, dự trữ thức ăn; gia cố chuồng trại cho gia súc, gia cầm. - Người già, trẻ em hạn chế ra ngoài. - Hỗ trợ chăm sóc sức khỏe người và động vật nuôi. - Chuyển đổi giống cây trồng.

CÔNG CỤ 3: LỊCH THEO MÙA

Dịch vụ xây dựng Nam 80%, Nữ 20%													do ở vùng thấp Hư hỏng đê đập Gây ngập úng, chết sắn, khoai, rau muống, đur hấu Nước tràn bờ gây thất thoát tôm, cua, cá của người dân Không đi làm được ảnh hưởng đến thu nhập	lượng đê, đập		
HẠN HÁN																
Lịch hoạt động KT - XH	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12				

															Thiếu nước (100 ha), lúa chết (3 ha), ảnh hưởng đến năng suất chủ yếu ở vùng Ruộng nại, Tiền Đình Thiếu nước chết dưa hấu (20 ha) Vùng thủy triều thấp (140 ha) Tôm cá chậm phát triển, nguồn nước bị ô nhiễm Tôm cá không sinh sản	Không có hồ chứa nước cung cấp cho sản xuất nông nghiệp Khe thủy lợi bị bồi lấp Không có nước tưới Năng nóng kéo dài làm độ PH thay đổi ảnh hưởng nuôi trồng thủy sản Cửa biển cạn không có nước lưu thông	Đào hồ chứa nước Ngăn công thủy lợi không cho nước chảy ra đầu phá Nâng đê, bơm nước đầy ao Đề xuất cấp trên nạo vét của biển, tái tạo nguồn lợi
Trồng lúa																	
Dưa hấu Hoa màu																	
Nuôi trồng thủy sản																	
Đánh bắt thủy sản (180 tấn/năm) Nam 80%, Nữ 20%																	
<i>RÉT</i>																	
Lịch hoạt động KT - XH	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Ảnh hưởng của thiên tai đến hoạt động KT - XH	Tại sao? (Đánh giá tình trạng DBTT)	Kinh nghiệm phòng, chống (Năng lực PCTT)		
Trồng lúa (164 ha, 30% thu													Làm cho cây mạ và lúa non chậm phát triển 140 ha	Cây mạ còn non và Lúa mới gieo sạ không chịu	Chính quyền có kế hoạch		

nhập) Nam 70%, Nữ 30%																												
														Làm chết tôm giống 120 vạn con và tôm, cua, cá chập phát triển 30 ha	được nhiệt độ dưới 15 ⁰ C Tôm giống và tôm, cua, cá mới thả còn nhỏ không chịu được nhiệt độ thấp dưới 15 ⁰ C	tuyên truyền cho dân theo dõi thời tiết, bón tro và phân lân để giữ ấm cho lúa; hạn chế thả tôm giống vào những thời điểm nhiệt độ thấp Hạn chế nuôi tôm trái vụ												

**BẢNG CÔNG CỤ 4: KẾT QUẢ TỔNG HỢP CÔNG CỤ SƠ HỌA BẢN ĐỒ
RỦI RO THIÊN TAI**

Thiên tai	Xu hướng của thiên tai	Tình trạng DBTT	Năng lực PCTT	Rủi ro thiên tai
Bão	Nhu bảng công cụ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Đường dây điện còn dễ đứt, trụ điện chưa kiên cố, tạm bợ. - NTTS 212ha, đề NTTS yếu. - Hệ thống kênh mương bị bồi lấp hiện trạng đất cát tràn vào ruộng. Không có lao động chính. - Đối tượng dễ bị tổn thương cần di dời sơ tán 750 người -30% nhà không an toàn. - Học sinh gặp nguy hiểm khi tham gia học. - 40% nước bị nhiễm phèn, chưa có hệ thống nước sạch 	<ul style="list-style-type: none"> - Có 3 trường học kiên cố khả năng chống chịu cao. Trụ sở UBND - 60% chằng chống được nhà. - Tỷ lệ nhà kiên cố hóa 30% - Tỷ lệ hộ dự trữ lương thực 90%. - Có phương án chủ động di dời lên vùng cao. -Có điểm tập kết rác thải - Có xe chuyển rác. - Lực lượng ở thôn có 80 người tham gia xung kích. - Có tập huấn về sức khỏe sinh sản, vệ sinh môi trường. - Xe ô tô: 03 chiếc - Xuồng, ghe: 03 chiếc - Nhà bạt: 30 cái - Áo phao: 30 cái - Phao tròn: 30 cái - Máy nổ chạy điện: 01 máy 2 Kw - Cửa máy: 04 cái - Xăng: 10 cái - Cuốc: 20 cái. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà bị tốc mái, ngập úng - Người dân có thể bị thương - Đường xá bị hư hỏng - Thiệt hại về hoa màu, NTTS - Nguyên cơ mắc các dịch bệnh: sốt xuất huyết, bệnh ngoài da, bệnh phụ khoa,... - Thiếu nước sinh hoạt - Ô nhiễm do rác thải, xác động vật chết - Dễ bị cháy, nổ - Đứt đường dây điện
Lụt		<ul style="list-style-type: none"> - NTTS 212ha, đề NTTS yếu. - Hệ thống kênh mương bị bồi lấp hiện trạng đất cát 	<ul style="list-style-type: none"> - Có 3 trường kiên cố khả năng chống chịu cao. - Tỷ lệ nhà kiên cố hóa 70% 	<ul style="list-style-type: none"> - Người dân có thể bị thương - Đường xá bị hư hỏng Thiệt hại về hoa màu,

		<p>tràn vào ruộng. Không có lao động chính. -10% nhà không an toàn. - đối tượng dễ bị tổn thương người già, trẻ em, phụ nữ mang thai 462 người. - Học sinh gặp nguy hiểm khi tham gia học. - 40% nước bị nhiễm phèn, chưa có hệ thống nước sạch</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ hộ dự trữ lương thực 90%. Có phương án chủ động di dời lên vùng cao. - Có điểm tập kết rác thải Có xe chuyên rác. - Lực lượng ở thôn có 80 người tham gia xung kích. -Có tập huấn về sức khỏe sinh sản, vệ sinh môi trường. - Xe ô tô: 03 chiếc - Xuồng, ghe: 03 chiếc - Nhà bạt: 30 cái - Áo phao: 30 cái - Phao tròn: 30 cái - Máy nổ chạy điện: 01 máy 2 Kw - Cưa máy: 01 cái - Xẻng: 10 cái - Cuốc: 20 cái. - Máy cưa 4 cái 	<p>NTTS</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyên cơ mắc các dịch bệnh: sốt xuất huyết, bệnh ngoài da, bệnh phụ khoa,... - Thiếu nước sinh hoạt Ô nhiễm do rác thải, xác động vật chết.
Hạn		<ul style="list-style-type: none"> - Gây ảnh hưởng đến trồng lúa, hoa màu...294 ha - Gây ảnh hưởng NTTS 64 ha, - Hệ thống kênh mương không có nước. - đối tượng dễ bị tổn thương người già, trẻ em, phụ nữ mang thai 462 người. - 40% nước bị nhiễm phèn, chưa có hệ thống nước sạch 	<ul style="list-style-type: none"> - Khoang các giếng bơm nhỏ để tưới. - Bơm nước từ các trạm bơm nhỏ. 	<p>Thiệt hại về hoa màu, NTTS</p> <p>Thiếu nước sinh hoạt</p> <p>Ô nhiễm do rác thải, xác động vật chết.</p>

<p>Nhiễm mặn</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Gây ảnh hưởng khoảng 62 hộ ven đầm phá. Nguồn nước bị nhiễm mặn gây thiếu nước sinh hoạt - Đối tượng dễ bị tổn thương người già, trẻ em, phụ nữ mang thai 210 người. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các hộ đầu tư mua nước đóng bịch để sử dụng. -Đóng các cống ngăn mặn 	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu nước sạch để sinh hoạt. - Diện tích lúa bị ngập mặn chết.
------------------	--	---	---	--

CÔNG CỤ 5: ĐIỂM MẠNH VÀ ĐIỂM YẾU TRONG CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI

stt	Hạng mục	Điểm mạnh	Điểm yếu
1	Năng lực bộ máy PCTT, TKCN cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> - Thành lập BCĐ PCTT&TKCN - Có tinh thần trách nhiệm - Tuyên truyền, thông báo đến người dân kịp thời. - Đã phân công rõ trách nhiệm cho từng thành viên trong ban chỉ huy phòng chống thiên tai tìm kiếm cứu nạn. - Chỉ đạo kịp thời, thường xuyên và có sự kiểm tra, đôn đốc. - Huy động đội ngũ hỗ trợ khắc phục sau thiên tai; Dọn dẹp vệ sinh, thống kê NTTS,.. cứu trợ kịp thời. - Hỗ trợ giống cây, vật chất cho người dân kịp thời phục hồi sản xuất, kinh doanh 	<ul style="list-style-type: none"> - Chưa được đào tạo, tập luyện về kỹ năng phòng chống bão, lụt; - Cán bộ còn kiêm nhiệm; - Một số cán bộ còn chủ quan.
2	Hệ thống thông tin	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống truyền thanh của xã phục vụ tuyên truyền kịp thời. - Phổ biến bằng loa tay đến từng hộ dân trên toàn thôn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống truyền thanh còn hạn chế chưa đến tận người dân.
3	Cơ sở vật chất	<ul style="list-style-type: none"> - Có âu thuyền để núp trú bão phục vụ cho 125 thuyền gắn máy và 150 xuồng. - Có 3 chiếc thuyền lớn đủ phục vụ để phục vụ cứu hộ cứu nạn, 125 thuyền hộ tổng. - 1 hội trường UBND xã, 3 trường học và 1 trạm y tế. - 3 chiếc xe ben tải, 4 máy cưa, đèn pin 30 cây, áo mưa, 30 áo phao, 20 cái nhà bạt. - Lương thực thực phẩm, gạo 3 tấn, 100 thùng mí tôm, dầu hỏa 100 lít. - Xe ô tô: 03 chiếc - Nhà bạt: 30 cái - Phao tròn: 30 cái - Máy nổ chạy điện: 01 máy 2 Kw - Xăng: 10 cái - Cuốc: 20 cái. 	<ul style="list-style-type: none"> - Âu thuyền còn hạn hẹp- ra vào còn cạn - Các điểm ra vào trú bão còn thiếu. - Đèn báo bão và cờ báo bão còn thiếu. tại âu thuyền thôn nghi xuân. - Phương tiện tìm kiếm còn thô sơ. - Giao thông đi lại dễ bị chia cắt, khi bão lụt xảy ra.

5	Ý thức năng lực người dân	<ul style="list-style-type: none"> - Người dân được nâng cao nhận thức trong PCTT&TKCN; - Có kinh nghiệm trong PCTT&TKCN do trải qua nhiều; - Xử lý nhanh các tình huống xảy ra. Phối hợp với BCD PCTT&TKCN của xã để phòng chống nhà, cửa,..khắc phục sau thiên tai.	Có một số bộ phận dân chưa được tập huấn về PCTT&TKCN; Còn ý thức chủ quan khi được cảnh báo về thiên tai
---	----------------------------------	--	--

CÔNG CỤ 6: TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI

Thiên tai	Xu hướng của thiên tai	Tình trạng DBTT	Năng lực PCTT	Rủi ro thiên tai
Bão	Nhu bảng công cụ 2	<ul style="list-style-type: none"> - 70% nhà bán kiên cố - 30% hộ ở vùng thấp trũng - 62 hộ ven đầm phá - Đường dây điện còn dễ đứt, trụ điện chưa kiên cố - Đường liên thôn còn dễ bị sạt lở 30% hộ dân chưa có đường thôn đến nhà - Hệ thống truyền thanh còn thiếu 40% hộ dân không có lực lượng PCTT 20% hộ dân không dự trữ lương thực, thực phẩm - Khi ốm người dân chưa đến trạm y tế ngay. Trạm y tế còn thiếu phương tiện, thiết bị. - Di dời 750 người, đối tượng dễ bị tổn thương đến nơi trú ẩn an toàn. 	<ul style="list-style-type: none"> - 30% nhà kiên cố - 4 địa điểm cư trú an toàn. - Hệ thống điện đủ để thấp sáng. - Trạm y tế xã kiên cố - 4 thôn có 3 ô tô, 3 thuyền, 80% xe máy sử dụng tốt, - Xe ô tô: 03 chiếc - Xuồng, ghe: 03 chiếc - Nhà bạt: 30 cái - Áo phao: 30 cái - Phao tròn: 30 cái - Máy nổ chạy điện: 01 máy 2 Kw - Cửa máy: 01 cái - Xăng: 10 cái - Cuốc: 20 cái. - Máy cưa 4 cái 100% hộ dân có điện thoại liên lạc, dự báo bão; 60% hộ -Cólực lượng PCTT 80% hộ dân dự trữ lương thực, thực phẩm - Có 4 tổ xung kích (53 người) 80% hộ dân có nhà vệ sinh tự hoại - Hội phụ nữ, Hội nông dân, ... tham gia tuyên truyền về sức khỏe, PCTT, ... - Người dân có ý thức giúp đỡ, hỗ trợ nhau sản xuất - Có người thu gom rác thải. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà bị tốc mái, ngập úng - Người dân có thể bị thương - Đường xá bị hư hỏng - Thiệt hại về hoa màu, NTTS - Nguyên cơ mắc các dịch bệnh: sốt xuất huyết, bệnh ngoài da, bệnh phụ khoa,... - Thiếu nước sinh hoạt - Ô nhiễm do rác thải, xác động vật chết - Dễ bị cháy, nổ Đứt đường dây điện

Lụt	Như bảng công cụ 2	<ul style="list-style-type: none"> - 30% hộ ở vùng thấp trũng - 62 hộ ven đầm phá. - Đường liên thôn còn dễ bị sạt lở 40% hộ dân không có lực lượng PCTT 20% hộ dân không dự trữ lương thực, thực phẩm - Khi ốm người dân chưa đến trạm y tế ngay. Trạm y tế còn thiếu phương tiện, thiết bị. - Di dời 750 người, đối tượng dễ bị tổn thương đến nơi trú ẩn an toàn. Di dời 462 người, đối tượng dễ bị tổn thương. 	<ul style="list-style-type: none"> - 4 địa điểm cư trú an toàn. - Hệ thống điện đủ để thấp sáng. - Trạm y tế xã kiên cố - 4 thôn có 1 ô tô, 3 thuyền, 80% xe máy sử dụng tốt - 100% hộ dân có điện thoại liên lạc, dự báo lụt; 60% hộ có lực lượng PCTT - 90% hộ dân dự trữ lương thực, thực phẩm - Có 4 tổ xung kích (53 người) - 80% hộ dân có nhà vệ sinh tự hoại - Hội phụ nữ, Hội nông dân, ... tham gia tuyên truyền về sức khỏe, PCTT, ... - Người dân có ý thức giúp đỡ, hỗ trợ nhau sản xuất - Có người thu gom rác thải 	<p>Nhà ngập úng</p> <p>Người dân có thể bị thương</p> <p>Đường xá bị hư hỏng</p> <p>Thiệt hại về hoa màu, NTTS</p> <p>Nguyên cơ mắc các dịch bệnh: sốt xuất huyết, bệnh ngoài da, bệnh phụ khoa,...</p> <p>Thiếu nước sinh hoạt</p> <p>Ô nhiễm do rác thải, xác động vật chết</p>
-----	--------------------	---	--	---

BẢNG CÔNG CỤ 7.1: XẾP HẠNG RỦI RO THIÊN TAI

RỦI RO THIÊN TAI	SỐ PHIẾU CÁC THÔNG TIN		TỔNG SỐ PHIẾU	THỨ TỰ XẾP HẠNG
	NAM (14)	NỮ (7)		
1. Nhà bị tốc mái, ngập úng	25	13	38	1
2. Người chết, bị thương	13	15	18	4
3. Đường giao thông bị sạt lở, hư hỏng	13	2	15	7
4. hệ thống điện, truyền thanh hư hỏng	9	7	16	5
5. Ô nhiễm môi trường do rác thải, xác động vật	11	7	14	8
6. Thiệt hại diện tích hoa màu	10	7	15	6
7. Thiệt hại nuôi trồng thủy sản	18	6	33	2
8. Thiếu nước uống sinh hoạt	13	48	19	3
	112	105	217	

BẢNG CÔNG CỤ 7.2: XẾP HẠNG GIẢI PHÁP PCTT

GIẢI PHÁP THIÊN TAI	SỐ PHIẾU CÁC THÔNG TIN		TỔNG SỐ PHIẾU	THỨ TỰ XẾP HẠNG
	NAM (14)	NỮ (8)		
1. Truyền thông cảnh báo trước mùa mưa bão	18	13	31	1
2. Nâng đập, chắn lưới bảo đảm bảo tôm, cá còn lại trong ao hồ	17	8	25	2
3. Đầu tư, hỗ trợ xây dựng nguồn nước sạch (nhà nước)	11	7	18	6
4. Tìm nơi trú ẩn an toàn, di dời người dân từ vùng thấp lên vùng cao	13	7	20	3
5. Phát quang, chặt cây cối, nâng cao hệ thống loa đài	12	7	19	4
6. Đề nghị kiên cố trụ điện , hỗ trợ trạm loa, loa cầm tay	13	6	19	5
	84	48	132	

CÔNG CỤ 7.1: BẢNG XẾP HẠNG RỦI RO THIÊN TAI

RỦI RO THIÊN TAI	Số phiếu cho các thông tin		Tổng số phiếu	Thứ tự xếp hạng
	Nam	Nữ		
Nhà bị ngập tốc mái	4	12	16	7

Người chết, người bị thương	1	8	9	8
Giao thông thủy lợi bị chia cắt do sạt lở	9	16	25	6
Hệ thống điện, truyền thanh của xã bị hỏng	15	28	43	1
Ô nhiễm môi trường	11	22	33	3
Hoa màu bị thiệt hại	10	30	40	2
Mất diện tích nuôi trồng thủy sản	13	23	30	5
Hệ thống kênh mương bị hỏng	10	22	32	4

BẢNG CÔNG CỤ 7.2 : XẾP HẠNG GIẢI PHÁP PCTT

Giải Pháp Phòng Chống Thiên Tai	Số phiếu cho các thông tin		Tổng số phiếu	Thứ tự xếp hạng
	Nam	Nữ		
Gia cố cột điện và đường dây.	16	26	42	1
Hỗ trợ thêm một số loa cho các vùng ở xa, bổ sung thêm loa tay cho các thôn.	3	15	18	6
Hỗ trợ thu gom rác thải, súc vật chết sau thiên tai.	9	20	29	4
Tuyên truyền tập huấn tăng cường phòng chống dịch bệnh.	6	22	28	5
Hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi.	14	23	37	2
Tập huấn kỹ năng gia cố nhà cửa	5	12	17	7
Tu sửa hệ thống kênh mương.	11	22	33	3

BẢNG CÔNG CỤ 8: PHÂN TÍCH NGUYÊN NHÂN

STT	Rủi ro thiên tai	Nguyên nhân trực tiếp, gián tiếp	Giải pháp
01	Nhà bị tốc mái, ngập úng	<ul style="list-style-type: none"> - Ý thức chằng, chống nhà cửa chưa cao - Nhà bán kiên cố - Người dân còn chủ quan 	<ul style="list-style-type: none"> - Mở nhiều lớp tập huấn về chằng, chống nhà cửa: 05 lớp - Đề nghị hỗ trợ các đối tượng chính sách, BTXH, hộ nghèo, cận nghèo, hộ khó khăn - Truyền thông, cảnh báo trước mùa thiên tai - Vận động người dân xây nhà nơi cao ráo, kiên cố

02	Thiệt hại nuôi trồng thủy sản	<ul style="list-style-type: none"> - Do người dân sản xuất tái vụ - Đê đập, lưới chắn chưa đảm bảo yêu cầu - Người dân chủ quan chưa thu hoạch để đợi giá cao 	<ul style="list-style-type: none"> - Khuyến cáo bà con không nên nuôi tái vụ và thu hoạch sớm trước mùa mưa bão - Nâng đập, chắn lưới bảo đảm tôm, cá còn lại trong ao hồ
03	Thiếu nước uống sinh hoạt	<ul style="list-style-type: none"> - Do chưa có nguồn nước sạch - Nguồn nước sinh hoạt bị nhiễm phèn: 90% - Nước bị nhiễm mặn: 62% 	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư xây dựng cung cấp nguồn nước sạch - Mở 2 lớp tập huấn về sử dụng nguồn nước - Hỗ trợ dụng cụ lọc nước - Người dân phối hợp cùng nhà nước để đưa nước sạch vào từng gia đình
04	Người bị chết, bị thương	<ul style="list-style-type: none"> - Do người dân chủ quan - Người già, các đối tượng dễ bị tổn thương khác. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tuyên truyền người dân không nên ra khơi đánh bắt, không ra khơi nhà khi có gió bão - Tìm nơi trú ẩn an toàn, di dời người dân từ vùng trũng thấp lên vùng cao an toàn - Dự trữ thuốc men, sơ cứu tại chỗ - Bố trí 02 điểm cứu thương tại hai thôn
05	Hệ thống điện, truyền thanh bị hư hỏng	<ul style="list-style-type: none"> - Do cây gãy, đứt dây điện - Trụ điện chưa kiên cố, đường dây còn nhỏ lẻ - Hệ thống loa còn ít 	<ul style="list-style-type: none"> - Phát quan chặt cây cối, nâng cấp hệ thống truyền thanh xã trước mùa mưa bão - Kiên cố các trụ điện: 200 trụ - Hỗ trợ thêm 2 trạm loa và 15 loa cầm tay cho các thôn
06	Hệ thống kênh mương bị hư hỏng	Hệ thống kênh mương chủ yếu là đất đắp.	<ul style="list-style-type: none"> - Kiên cố hóa bê tông. - Hàng năm gia cố, nâng cấp hệ thống kênh mương.

BẢNG CÔNG CỤ 09: TỔNG HỢP GIẢI PHÁP PCTT THEO THỨ TỰ ƯU TIÊN

STT Ưu tiên	Giải pháp phòng chống thiên tai	Hoạt động	Ghi chú
01. Nhà bị tốc mái, ngập úng	<ul style="list-style-type: none"> - Mở nhiều lớp tập huấn về chằng, chống nhà cửa: 05 lớp - Đề nghị hỗ trợ các đối tượng chính sách, BTXH, hộ nghèo, cận nghèo, hộ khó khăn - Truyền thông, cảnh báo trước mùa thiên tai - Vận động người dân xây nhà nơi cao ráo, kiên cố 	<ul style="list-style-type: none"> - Ý thức chằng, chống nhà cửa chưa cao - Tỷ lệ nhà bán kiên cố 70%. - Người dân còn chủ quan 	
02. Thiệt hại nuôi trồng thủy sản	<ul style="list-style-type: none"> - Khuyến cáo bà con không nên nuôi tái vụ và thu hoạch sớm trước mùa mưa bão - Nâng đập, chắn lưới bảo đảm tôm, cá còn lại trong ao hồ 	<ul style="list-style-type: none"> - Do người dân sản xuất tái vụ - Đê đập, lưới chắn chưa đảm bảo yêu cầu - Người dân chủ quan chưa thu hoạch để đợi giá cao 	
03. Thiếu nước uống sinh hoạt	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư xây dựng cung cấp nguồn nước sạch - Mở 2 lớp tập huấn về sử dụng nguồn nước - Hỗ trợ dụng cụ lọc nước - Người dân phối hợp cùng nhà nước để đưa nước sạch vào từng gia đình 	<ul style="list-style-type: none"> - Do chưa có nguồn nước sạch - Nguồn nước sinh hoạt bị nhiễm phèn: 90% - Nước bị nhiễm mặn: 62% 	
04. Người bị chết, bị thương	<ul style="list-style-type: none"> - Tuyên truyền người dân không nên ra khơi đánh bắt, không ra khỏi nhà khi có gió bão - Tìm nơi trú ẩn an toàn, di dời người dân từ vùng trũng thấp lên vùng cao an toàn - Dự trữ thuốc men, sơ cứu tại chỗ - Bố trí 02 điểm cứu thương tại hai thôn 	<ul style="list-style-type: none"> - Do người dân chủ quan - Các đối tượng dễ bị tổn thương như người già, trẻ em. 	
05. Hệ thống điện, truyền thanh bị hư	<ul style="list-style-type: none"> - Phát quan chặt cây cối, nâng cấp hệ thống truyền thanh xã trước mùa mưa bão 	<ul style="list-style-type: none"> - Do cây gãy, đứt dây điện - Trụ điện chưa kiên 	

hồng	- Kiên cố các trụ diện: 200 trụ - Hỗ trợ thêm 2 trạm loa và 15 loa cầm tay cho các thôn	cố, đường dây còn nhỏ lẻ - Hệ thống loa chưa phủ rộng khắp.	
06. Hệ thống kênh mương bị hư hỏng	- Kiên cố hóa bê tông. - Hằng năm gia cố, nâng cấp hệ thống kênh mương.	- Nước dâng gây sạt lở, hư hỏng các đoạn kênh mương sung yếu.	

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- BCH. PCTT&TKCN huyện;
- TT Đảng ủy, HĐND xã;
- CT, các PCT.UBND xã;
- UBMTTQ xã và các đoàn thể;
- Trạm Y tế, 3 đơn vị trường học;
- Các Thôn.
- Lưu: VT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Mai Xuân Tuấn

